HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3 /2025/NQ-HĐND	*Lào Cai, ngày 21 tháng 01 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHOÁ XVI - KỲ HỌP THỨ 25
(Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 17/TTr-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2025 dự thảo nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 27/BC-KTNS ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai; công chức làm công tác địa chính ở cấp xã; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Người có đất thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 3. Hỗ trợ người có công với cách mạng khi Nhà nước thu hồi đất ở, đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và phải di chuyển chỗ ở

1. Hộ gia đình có đối tượng là người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; thân nhân liệt sĩ bao gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi liệt sĩ; Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên: Hỗ trợ 5.000.000 đồng/hộ (năm triệu đồng/hộ).

2. Hộ gia đình có đối tượng là người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày; Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế; Người có công giúp đỡ cách mạng; Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 81%: Hỗ trợ 3.000.000 đồng/hộ (ba triệu đồng/hộ).

3. Trường hợp trong một hộ gia đình có nhiều đối tượng thuộc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì chỉ được hưởng mức hỗ trợ của đối tượng có mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 4. Hỗ trợ hộ gia đình thuộc diện nghèo và cận nghèo

1. Đối tượng: Hộ gia đình thuộc diện nghèo, cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều do Chính phủ quy định khi Nhà nước thu hồi đất ở, đủ điều kiện bồi thường về đất ở và phải di chuyển chỗ ở.

2. Mức hỗ trợ: 2.000.000 đồng/hộ (hai triệu đồng/hộ).

Điều 5. Hỗ trợ ổn định đời sống

1. Đối tượng: Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước chỉ thu hồi đất ở (không bị thu hồi đất nông nghiệp), đủ điều kiện bồi thường về đất ở, phải di chuyển chỗ ở mà không còn chỗ ở nào khác thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 06 tháng.

2. Mức hỗ trợ một tháng cho một nhân khẩu được tính bằng tiền, tương đương 30 (ba mươi) kg gạo theo đơn giá gạo trung bình do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 6. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian chưa được cơ quan có thẩm quyền giao đất ở, nhà ở

1. Đối tượng: Các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất, phải di chuyển chỗ ở, đủ điều kiện giao đất ở, nhà ở nhưng tại thời điểm thu hồi đất chưa được giao đất ở, nhà ở và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai năm 2024.

2. Thời gian hỗ trợ:

a) Đối với trường hợp được bồi thường bằng đất ở tại chỗ: Được tính từ khi người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư đến khi được giao đất ở tái định cư, nhưng tối đa không quá 12 tháng.

b) Đối với trường hợp được bồi thường bằng nhà ở tại chỗ: Được tính từ khi người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư đến khi được nhận bàn giao nhà ở tại khu tái định cư, nhưng tối đa không quá 12 tháng.

c) Các trường hợp khác (không thuộc điểm a, điểm b khoản này) và trường hợp thu hồi, giải tỏa một phần đất ở, nhà ở, phần còn lại vẫn tiếp tục sử dụng được nhưng phải sửa chữa và phải có chỗ ở tạm thời khi sửa chữa nhà ở thì được hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian 6 (sáu) tháng.

3. Mức hỗ trợ:

a) Đối với hộ gia đình có dưới 06 (sáu) nhân khẩu, mức hỗ trợ là 5.000.000 (năm triệu) đồng/01tháng/01 hộ nếu thuộc địa bàn các phường, thị trấn; 3.000.000 (ba triệu) đồng/01 tháng/01 hộ nếu thuộc địa bàn các xã.

b) Đối với hộ gia đình có từ 06 (sáu) nhân khẩu trở lên, mức hỗ trợ là 6.000.000 (sáu triệu) đồng/01 tháng/01 hộ nếu thuộc địa bàn các phường, thị trấn; 4.000.000 (bốn triệu) đồng/01 tháng/01 hộ nếu thuộc địa bàn các xã.

4. Nhân khẩu được hỗ trợ là số nhân khẩu có tên trong giấy xác nhận thông tin về cư trú do cơ quan Công an xác nhận tại thời điểm thông báo thu hồi đất.

Điều 7. Hỗ trợ tài sản là nhà, công trình xây dựng khác trên đất khi Nhà nước thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định

1. Đối với nhà, công trình xây dựng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993: Hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường của trường hợp đủ điều kiện được bồi thường.

2. Đối với nhà, công trình xây dựng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004: Hỗ trợ bằng 70% mức bồi thường của trường hợp đủ điều kiện được bồi thường.

3. Đối với nhà, công trình xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014: Hỗ trợ bằng 60% mức bồi thường của trường hợp đủ điều kiện được bồi thường.

4. Đối với nhà, công trình xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến trước ngày 30 tháng 5 năm 2019: Hỗ trợ bằng 40% mức bồi thường của trường hợp đủ điều kiện được bồi thường.

5. Công trình xây dựng được hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này là công trình phục vụ cho sinh hoạt. Không hỗ trợ đối với các trường hợp trước đó đã bị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý, ngăn chặn hành vi vi phạm.

Điều 8. Hỗ trợ đối với cây trồng

1. Hỗ trợ 100% đơn giá bồi thường theo quy định hiện hành của tỉnh đối với cây trồng trên đất chưa phù hợp với mục đích sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Đất đai năm 2024. Không hỗ trợ cây trồng trên đất lấn, chiếm.

2. Đối với cây trồng vượt mật độ: Hỗ trợ theo thực tế, nhưng tối đa không quá 30% so với mật độ định mức theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm thông báo thu hồi đất.

3. Đối với cây trồng xen: Trường hợp khi quy đổi mật độ cây trồng chính đã hết diện tích, các cây trồng xen được hỗ trợ bằng 100% đơn giá của loại cây trồng đó theo giá do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại thời điểm thông báo thu hồi đất, nhưng không quá 50% diện tích của cây trồng chính được bồi thường.

Điều 9. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện hỗ trợ các chính sách quy định tại Nghị quyết này thuộc nguồn kinh phí thực hiện dự án phải thu hồi đất.

Điều 10. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khoá XVI, Kỳ họp thứ 25 (Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh) thông qua ngày 21 tháng 01 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2025.

4. Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định một số chính sách đặc thù, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai và Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách đặc thu, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

5. Đối với các trường hợp đã được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tài chính; Nông nghiệp và PTNT; Xây dựng; Lao động -TBXH, Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT: HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Công báo; Báo LC, Đài PT-TH, Cổng TTĐT tỉnh;
- Các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Vũ Xuân Cường